

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 55/2024/HNGĐ-ST

Ngày 25 - 7 - 2024

“V/v ly hôn, nuôi con chung giữa  
chị Tít và anh Đình”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Gia Khải;  
2. Ông Đặng Ngọc Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Minh Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 61/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024, về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1984

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1984

Cùng nơi cư trú: Thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh Đ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tiến Đ tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A vào ngày 11/5/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại A. Quá trình chung sống đến tháng 6/2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xích mích xô xát, cũng thời gian đó vợ chồng ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn, chị xin ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đỗ Bảo T1 sinh ngày 26/3/2013 và Nguyễn Đỗ Bảo H sinh ngày 12/9/2015, hiện cả 02 con đang ở với chị. Ly hôn, chị nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, chị không yêu cầu anh Nguyễn Tiến Đ cấp dưỡng cho con. Hiện tại, chị không có thai nghén gì.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Anh Nguyễn Tiến Đ vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.**

**Kết quả xác minh với gia đình anh Nguyễn Tiến Đ và cơ sở thôn L, xã A thấy:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Tiến Đ là vợ chồng. Quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn gia đình và cơ sở thôn không biết rõ, chỉ biết từ đầu năm 2024 anh Đ đi làm ăn xa, còn địa chỉ cụ thể thì gia đình và cơ sở thôn không biết. Nay chị T có đơn xin ly hôn, gia đình và cơ sở thôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Về con chung:* Chị T, anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Đỗ Bảo T1 sinh ngày 26/3/2013 và Nguyễn Đỗ Bảo H sinh ngày 12/9/2015. Ly hôn, việc giao con và cấp dưỡng cho con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Về tài sản chung:* Gia đình và cơ sở thôn không biết rõ.

Hiện tại, anh Đ không có mặt tại gia đình và địa phương nhưng anh Đ thường xuyên liên lạc về gia đình. Gia đình đã nhận thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án. Gia đình đã thông báo cho anh Đ biết nhưng anh Đ không đưa ra quan điểm về việc giải quyết vụ án.

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:**

*Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nên Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm chấp hành pháp luật của bị đơn tại phiên tòa.

*Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Tiến Đ.

Về con chung: Giao cả 02 con chung là Nguyễn Đỗ Bảo T1 sinh ngày 26/3/2013 và Nguyễn Đỗ Bảo H sinh ngày 12/9/2015, cho chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết;

Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Thị T khởi kiện ly hôn và nuôi con chung với anh Nguyễn Tiến Đ. Do anh Đ là bị đơn cư trú thôn L, xã A, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Đ đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Tiến Đ là vợ chồng, được Ủy ban nhân dân xã A cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 11/5/2013 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau, cũng thời gian đó vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn, chị xin ly hôn anh Đ. Tòa án đã ấn định thời gian hòa giải nhưng anh Đ không có mặt, anh Đ không có thiện chí hòa giải. Mặt khác thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân của chị T, anh Đ thực tế chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, vì vậy cần xử cho chị T được ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Tiến Đ có 02 con chung là Nguyễn Đỗ Bảo T1 sinh ngày 26/3/2013 và Nguyễn Đỗ Bảo H sinh ngày 12/9/2015, chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con. Anh Đ không có quan điểm trình bày. Xét nguyện vọng nuôi con của chị T là chính đáng, các con đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, các con chung đều có nguyện vọng ở với chị T. Chị T có đủ điều kiện để nuôi con nên cần giao cả 02 con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không

yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con, như vậy là đáp ứng được nguyện vọng của các con chung và phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản: Chị Đỗ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Tiến Đ không có ý kiến trình bày nên về tài sản Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Tiến Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Tiến Đ.

2. Về nuôi con chung: Xử giao cả 02 con chung là Nguyễn Đỗ Bảo T1 sinh ngày 26/3/2013 và Nguyễn Đỗ Bảo H sinh ngày 12/9/2015 cho chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh Nguyễn Tiến Đ cấp dưỡng cho con. Anh Đ có quyền đi lại thăm nom và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị T, anh Đ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 0004674 ngày 04 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ được chuyển thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Đỗ Thị T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Tiến Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Nơi nhận:*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục thi hành án dân sự h. Quỳnh Phụ;
- Nơi ĐKKH: UBND xã An Quý;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị Duyên**